

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 558/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 22/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1997

HKTT: Ấp H, xã T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Hiện trú tại: Tổ 1, ấp T, xã Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh P, sinh năm 1982

HKTT: Ấp R, xã Đ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Hiện trú tại: Tổ 1, ấp T, xã Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T xin vắng mặt, anh Ph vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Võ Thanh P tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/12/2018.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh Ph là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh Ph không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha, không chăm lo kinh tế gia đình, thường

xuyên có những lời lẽ xúc phạm danh dự của chị. Ngoài ra, anh Ph còn thường xuyên nhậu nhẹt, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Ph vẫn không nghe. Hiện nay, hai vợ chồng không còn chung sống với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Nay chị T xác định bản thân không còn tình cảm với anh Ph, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là: Võ Thiên Ph, sinh ngày 16/11/2018. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Cháu Ph hiện đang sống cùng chị T. Chị T đang làm công nhân tại Công ty Đ, thu nhập bình quân mỗi tháng 9.000.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu nào khác.

* Trong suốt quá trình tố tụng anh Ph không đồng ý ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt, không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Ph theo quy định pháp luật; Anh Võ Thanh P vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh Ph. Về con chung: Giao cháu Võ Thiên Ph, sinh ngày 16/11/2018 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, do chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Đỗ Thị T khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn anh Võ Thanh P hiện đang cư trú tại: Xã Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh Ph. Tuy nhiên, anh Ph vẫn có tình vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do, mặt khác chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Võ Thanh P là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy: Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử chị T cương quyết xin ly hôn với anh Ph vì giữa chị và anh Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị không còn tình cảm thương yêu đối với anh Ph và hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau. Hơn nữa, anh Ph không đến Tòa án làm việc chứng tỏ không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình, anh Ph bế tắc không thuyết phục được chị T trở về đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn biện pháp khắc phục. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau, trong khi đó hôn nhân của chị T và anh Ph không có hạnh phúc, không có sự quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do vậy, căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp thuận cho chị T được ly hôn với anh Ph.

2.3. Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Ph không có ý kiến phản đối hoặc tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, hiện tại cháu Ph còn nhỏ và đang sống cùng chị T. Do đó, việc giao cháu Ph cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại thời điểm hiện nay là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên không đề cập.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Võ Thanh P.
- *Về con chung*: Giao cháu Võ Thiên Ph, sinh ngày 16/11/2018 cho chị Đỗ Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con, chăm sóc con chung của các đương sự. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T khai không có nên không đề cập.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Đỗ Thị T đã nộp theo Biên lai thu số 0000088 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (GCNKH số 81 ngày 21/12/2018);
- Chi cục T.H.A.DS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Quyên